

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-ST

Ngày: 07/3/2024.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lê.

2. Bà Lê Thị Thận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 180/2023/TLST – DS ngày 16 tháng 10 năm 2023, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2023/QĐXXST-DS, ngày 27/12/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Phạm Văn C, sinh năm 1975 và bà Lê Thị D, sinh năm 1977. (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn 2, xã ĐL, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Bà Dương Thị Kiều T, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 7, xã ĐL, huyện B, tỉnh Bình Phước.

3. *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thị TH, sinh năm 1996. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 7, xã ĐL, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2023 nguyên đơn trình bày: Ngày 04/01/2022, ông bà cho bà Dương Thị Kiều T vay bà số tiền 240.000.000đ, thỏa thuận thời hạn trả là ngày 15/01/2022, không thỏa thuận lãi suất, việc thỏa thuận vay có làm giấy vay. Quá thời hạn trả nợ, bà T chỉ trả được 10.000.000đ vào ngày

25/8/2022. Do bà T không trả nên ông bà khởi kiện yêu cầu trả tiền gốc 230.000.000đ và số tiền lãi suất tính tạm tính từ ngày vay đến ngày làm đơn là 54.337.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày: Trong năm 2022 ông bà yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thi hành nghĩa vụ trả tiền của ông Nguyễn Hữu H (đã chết) là cha ruột của chị Nguyễn Thị TH đối với ông bà. Tổng cộng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 04/01/2022 là 1.740.000.000đ. Do ông H không có tiền trả nên bà T đứng ra cho chị TH vay 1.500.000.000đ để có tiền thanh toán cho ông bà, số tiền 240.000.000đ còn lại bà T đứng ra nhận trách nhiệm trả cho ông bà trong thời hạn đến ngày 15/01/2022; ông bà chấm dứt việc yêu cầu thi hành án đối với ông H, ông H không còn nghĩa vụ gì đối với ông bà. Do tin tưởng nên ông bà đồng ý rút toàn bộ yêu cầu thi hành án đối với ông H. Hai bên thống nhất ông H không còn nghĩa vụ gì đối với ông bà mà chuyển giao hết cho bà T, được xem như khoản vay của bà T đối với ông bà nên bà T mới viết giấy mượn tiền cho ông bà. Sau khi hết thời hạn trả theo thỏa thuận, ông bà đã nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T chỉ trả được 10.000.000đ. Do khi vay không thỏa thuận lãi suất cụ thể nên hiện nay chỉ yêu cầu tính mức lãi suất là 10%/ năm/ tổng số tiền 230.000.000đ kể từ ngày 16/01/2022 cho đến khi thi hành án xong.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Dương Thị Kiều T trình bày:

Vợ chồng bà có quan hệ họ hàng với ông Nguyễn Hữu H (đã chết) ở thôn 7, xã DL. Trước đây ông H nợ tiền của vợ chồng ông C bà D, được Tòa án giải quyết buộc trả tổng số tiền 1.500.000.000đ. Đến thời điểm thi hành án ông H không có tiền trả nên ông C bà D yêu cầu thi hành án, dự kiến chuẩn bị yêu cầu kê biên 01 thửa đất. Do nỗ lực trước đây ông H đã giúp vợ chồng bà nên bà đứng ra trả trước số tiền theo quyết định của Tòa án. Tuy nhiên, tính đến thời điểm ngày 04/01/2022 phát sinh thêm số tiền lãi của số tiền phải thi hành 1.500.000.000đ là 240.000.000đ. Sau khi thỏa thuận trả trước số tiền theo quyết định thì ông C bà D rút đơn cầu thi hành án; sau này ông H dùng số đất đi vay vốn Ngân hàng để trả lại tiền mà bà đã bỏ ra trước thi hành án. Đối với số tiền lãi 240.000.000đ thì ông C bà D yêu cầu bà làm giấy mượn tiền theo như "Giấy mượn tiền" ngày 04/01/2022. Trong đó thỏa thuận thời hạn trả là ngày 15/01/2022, không thỏa thuận về lãi suất. Nay ông C bà D khởi kiện thì bà đề nghị chỉ trả lại 100.000.000đ, do bà cũng chỉ giúp gia đình ông H, sau khi thỏa thuận thì chị Nguyễn Thị TH là con ruột ông H cũng gửi thêm cho bà số tiền 20.000.000đ để bà trả cho ông C bà D.

- Người làm chứng chị TH trình bày: Chị là con ruột của ông Nguyễn Hữu H. Chị xác nhận lời trình bày của bà T là đúng. Hiện nay cha của chị đã chết nên chị cũng muốn đứng ra phụ giúp bà T về số tiền đã hẹn lại với ông C bà D nêu trên. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc trả số tiền gốc và lãi suất

phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1.1] Về yêu cầu trả số tiền vay gốc 230.000.000đ:

Căn cứ tài liệu đương sự giao nộp và lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 04/01/2022 bà Dương Thị Kiều T tự nguyện viết 01 "Giấy mượn tiền" có nội dung mượn của ông Phạm Văn C bà Lê Thị D số tiền 240.000.000đ, hẹn đến ngày 15/01/2022 sẽ trả đủ số tiền nêu trên.

Lời khai các đương sự đều thừa nhận khi bà T viết giấy mượn tiền nêu trên thì ông C bà D không giao khoản tiền nào cho Dương Thị Kiều T, mà xuất phát từ việc bà T đứng ra nhận trả nợ thay cho ông Nguyễn Hữu H, tổng cộng số tiền phải thi hành án đến ngày 04/01/2022 là 1.740.000.000đ. Tại thời điểm này bà T chỉ thu xếp được số tiền 1.500.000.000đ đưa cho chị TH để chị TH trả cho ông C bà D. Giữa ông C bà D với bà T có thỏa thuận số tiền 240.000.000đ còn lại mà ông H chưa trả được xem như là một khoản vay của bà T đối với ông C bà D, phía ông H không còn nghĩa vụ gì đối với ông C bà D kể từ thời điểm bà T viết giấy vay trong đó ghi rõ số tiền vay là 240.000.000đ và thời hạn trả là ngày 15/01/2022.

Xét về quá trình thực hiện thỏa thuận giữa ông C bà D và bà T thể hiện: Các bên thống nhất sau khi viết giấy vay ông C bà D rút toàn bộ yêu cầu thi hành án đối với ông H. Bà T cho rằng đã trả được 20.000.000đ nhưng phía ông C bà D chỉ thừa nhận bà T trả được 10.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án bà T tiếp tục cho ý kiến hiện nay chỉ đồng ý trả lại 100.000.000đ với lý do bà cũng đứng ra trả giúp cho gia đình ông H nhưng ông C bà D yêu cầu trả hết số tiền gốc còn lại.

Từ những chứng cứ và phân tích nêu trên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ngày 04/01/2022 bà Dương Thị Kiều T đã tự nguyện đứng ra nhận trách nhiệm trả thay số tiền phải thi hành án 240.000.000đ của ông Nguyễn Hữu H đối với ông C bà D. Tuy nhiên, do bà T chưa có tiền thanh toán nên các bên thống nhất là khoản vay của bà T đối ông C bà D, đồng thời thỏa thuận thời hạn trả là ngày 15/01/2022. Ý chí trả nợ nêu trên của bà T tiếp tục được thể hiện khi hết hạn trả nợ theo thỏa thuận thì bà T cho rằng đã trả được 20.000.000đ và hiện nay chỉ đồng ý trả lại 100.000.000đ.

Xét về số tiền đã trả và số tiền còn phải trả theo ý kiến của bà T thấy rằng: Bà T không có tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả được tổng cộng 20.000.000đ cho ông C bà D kể từ khi viết giấy mượn tiền ngày 04/01/2022. Ông C bà D chỉ thừa nhận bà T trả được 10.000.000đ thông qua số tài khoản 5608204013998 của ông C tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam vào ngày

25/8/2022. Bà T đưa ra ý kiến chỉ trả lại 100.000.000đ do đã đứng ra trả nhiều cho gia đình ông H nhưng ông C bà D không đồng ý, ngoài ra không còn lý do nào khác hoặc có sự thỏa thuận nào khác. Do đó không có cơ sở chấp nhận ý kiến của phía bà T mà C buộc bà T trả lại tiền gốc còn lại do đã quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận giữa hai bên.

[1.2] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án ban đầu nguyên đơn cho rằng ban đầu các bên thỏa thuận khi hết thời hạn vay thì phía bà T phải chịu lãi suất số tiền vay là 1.125%/tháng, nhưng bị đơn không thừa nhận nên quá trình làm việc tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 16/01/2022 trên số tiền 230.000.000đ cho đến khi thanh toán xong, mà không tính lãi suất của tổng số tiền 240.000.000đ từ ngày 16/01/2022 đến ngày 25/8/2022 với lý do giấy vay không ghi lãi suất cụ thể và không chênh lệch nhiều.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ nội dung Giấy mượn tiền ngày 04/01/2022 thì các bên chỉ ghi số tiền vay và thời hạn trả, không ghi lãi suất. Quá trình giải quyết vụ việc các đương sự cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh có thỏa thuận lãi suất cụ thể. Vì vậy, chỉ có cơ sở xác định hợp đồng vay giữa hai bên từ ngày 04/01/2022 đến ngày 15/01/2022 là không có lãi suất theo quy định tại Khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự và khi hết thời hạn vay theo thỏa thuận phía bị đơn không thanh toán thì nguyên đơn có quyền yêu cầu trả với mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu 10%/năm/số tiền 230.000.000đ là phù hợp với mức lãi suất theo quy định của điều luật và có lợi cho phía bị đơn và được tính cụ thể như sau:

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: 230.000.000đ (nợ gốc quá hạn chưa trả) x 10%/năm (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015) x 25 tháng 20 ngày (thời gian chậm trả nợ gốc từ ngày 16/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 07/3/2024) = 48.997.660 đồng.

Như vậy, tổng cộng cả gốc và lãi C buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 278.997.660đ, làm tròn là 278.997.000đ.

[2] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Buộc bà Dương Thị Kiều T phải trả cho vợ chồng ông Phạm Văn C bà Lê Thị D tổng cộng số tiền gốc và lãi là 278.997.000đ.

2. Về án phí: Buộc bà Dương Thị Kiều T phải chịu 13.949.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục thi hành án dân sự huyện B hoàn trả lại cho vợ chồng ông Phạm Văn C bà Lê Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.109.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001263 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình